

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 13 tháng 12 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VH, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mùi Văn Huân và ông Nguyễn Hữu Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V H tham gia phiên tòa: Ông Trương Phi Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Phạm Hoàng Th. Sinh năm 1992, tại Lạc Sơn, Hòa Bình.

Nơi cư trú: Phố Ch, xã L V, huyện L S, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; Đảng phái, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Th(đã chết) và bà Đặng Thiên H; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 06/9/2018. Có mặt.

*** Người bị hại:** Anh Phạm Quang H, sinh năm 1985, địa chỉ: T K 1, xã T L, huyện Th Ch, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

*** Những người có QLNVLQ:**

+ Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 1990, địa chỉ: : Xóm B L, xã T S, huyện M Ch, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt có lý do.

+ Anh Bùi Văn N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm B L, xã T S, huyện M Ch, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt có lý do.

+ Anh Đỗ Xuân L, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm T K, xã Đ B, huyện M Ch, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt có lý do.

*** Những người làm chứng:**

+ Anh Bùi Văn L, sinh năm 1994, địa chỉ: Xóm T K, xã Đ B, huyện M Ch,

tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt có lý do.

+ Anh Trần Anh Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tiểu Khu C Đ, thị trấn N tr M Ch, huyện M Ch, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Quang H và Phạm Hoàng Th hợp đồng miệng về việc H thuê Th lái xe ô tô đầu kéo BKS 26C – 029.58, rơ moóc BKS 26R – 000.62 để vận chuyển hàng hóa từ Sơn La về xuôi và ngược lại theo sự điều hành của H, mức lương 10.000.000 đồng/tháng. Quá trình vận hành xe, các khoản chi phí vận chuyển, ăn uống mỗi chuyến của Th đều được theo dõi ghi chép vào sổ sách.

Ngày 25/8/2018 Th điều khiển xe chở hàng từ Sơn La về Bắc Giang rồi chở gạch quay lại Sơn La. Đến khu cầu Phù Đồng, thành phố Hà Nội xe bị nổ một chiếc lốp phía trong của dàn lốp giữa bên lái của rơ moóc, nên Th tháo lốp bỏ lại. Khi xe chở gạch lên đến Bản Co Chàm, xã Lóng Luông, huyện V H thì bị hỏng phần đầu kéo (cầu sau và số). Th điều khiển xe vào cây xăng Hồng Nhung, tháo phần rơ moóc để lại, rồi điều khiển xe xuống gara ô tô của Nguyễn Huy Liêm sửa đến chiều ngày 29/8/2018. Sau khi sửa xe xong, Th nghỉ lại cây xăng Hồng Nhung. Khoảng 20 giờ ngày 30/8/2018, Th lái xe đến gara ô tô của Nguyễn Thị S, tháo một chiếc lốp kèm lazăng từ dàn lốp sau cùng bên lái bán cho Nguyễn Hoài N (con trai S) với giá 4.000.000 đồng. Sau đó Th lắp chiếc lazăng phụ vào, rồi lái xe quay lại cây xăng Hồng Nhung lắp rơ moóc vào để lên Sơn La. Do lắp bị sập rơ moóc, Th gọi điện thuê Bùi Văn L và Vương Hùng Ph, là thợ sửa xe trong gara xe của ông Đỗ Xuân L lên kích rơ moóc và lắp vào đầu kéo hết 2.000.000 đồng (trong đó có 500.000 đồng nợ L từ trước). Do không đủ tiền trả, Th hỏi L chỗ mua lốp cũ. L và Ph đưa Th đến gara xe của Bùi Văn N. Th và N thỏa thuận mua đổi lốp từ xe của Th lấy lốp cũ của N. N đồng ý, mang theo 04 lốp cũ và 03 lazăng lên xe cứu hộ của L để xem lốp xe của Th. Đến cây xăng, N nhìn thấy dàn lốp xe, nên nói muốn mua 04 chiếc lốp (02 lốp và lazăng sau cùng bên phụ của rơ moóc và 02 lốp và lazăng bên phụ phần đầu kéo). Th nhờ L lắp lại vào 03 chiếc lốp và lazăng cũ hơn. Xong, N đề 04 chiếc lốp và la zăng vừa tháo được lên xe cứu hộ của L về ga ra xe của N. Tại đây Th và N thỏa thuận 04 chiếc lốp và lazăng Th bán cho N giá 13.000.000 đồng, còn 03 chiếc lốp và la zăng N bán cho Th giá 3.000.000 đồng. Đối trừ hai bên, N phải trả cho Th 10.000.000 đồng. Th nhận tiền, trả cho L 2.000.000 đồng. Khoảng 23 giờ cùng ngày, N bán 02 chiếc lốp và lazăng trong số 04 chiếc lốp mua của Th cho Trần Anh Đ, là lái xe tải BKS 29C – 170.92 thuê cho anh Đỗ Đình Th với giá 10.000.000 đồng. Sáng 01/9/2018 Th gọi điện cho L mua lại của L 01 chiếc lốp cũ, đồng thời thuê L tháo nốt chiếc lốp cuối cùng phía bên lái dàn sau đầu kéo ra, lắp chiếc lốp mua của L vào rơ moóc cho Th. Th bỏ chiếc lốp và lazăng vừa tháo lên xe cứu hộ của L, nhờ L chở đến bán tiếp cho Nguyễn Hoài N với giá 4.000.000 đồng. Thanh lại trả cho L tiền mua lốp và lazăng 1.300.000 đồng (1.000.000 đồng tiền lốp và 300.000 đồng tiền thuê tháo lắp). Sau đó, Th lên xe của

L đi nhờ đến xã Đ B, huyện M Ch, Hòa Bình thì xuống xe, bắt xe khách về nhà rồi gọi điện báo cho Phạm Quang H hủy hợp đồng lái thuê. Toàn bộ số tiền bán lốp và lazăng (gồm 06 lazăng và trao đổi 05 chiếc lốp) Th chiếm đoạt được là 18.000.000 đồng, đã chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng hết 17.600.000 đồng, còn lại 400.000 đồng đã bị Cơ quan điều tra tạm giữ.

Bản Kết luận định giá tài sản số 23 ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V H kết luận:

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã G78194523, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại (đã qua sử dụng cũ) giá 3.900.000 đồng.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã F438M3N26, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại (đã qua sử dụng cũ) giá 3.900.000 đồng.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 12R – 225: K72055851, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại (đã qua sử dụng cũ) giá 4.900.000 đồng.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 12R – 225: K72055851, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại (đã qua sử dụng cũ) giá 4.900.000 đồng.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã K72071428, loại không săm, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại (đã qua sử dụng cũ) giá 4.900.000 đồng.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã A82046043, loại không săm, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại (đã qua sử dụng cũ) giá 4.900.000 đồng.

Tổng cộng giá trị chiếm đoạt: 27.400.000 đồng.

Số tài sản đối tượng khắc phục sau khi chiếm đoạt:

+ 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ RADIAL, kích cỡ 12R22.5 loại không có săm, có đóng mã 0202085702, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại (đã qua sử dụng cũ) giá 1.200.000 đồng.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ CHENGSHAN GST 209, kích cỡ 12000.R20 loại có săm, có đóng mã E40032867 (đã qua sử dụng cũ) giá 1.200.000 đồng.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ HK720, kích cỡ 12R22.5 loại không săm, có đóng mã số B1601163002, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại (đã qua sử dụng) giá 1.200.000 đồng.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ WESTLAKE, kích cỡ 12R22.5 loại không săm, có đóng mã số B7T1047337, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại (đã qua sử dụng) giá 1.200.000 đồng.

Tổng cộng tài sản khắc phục là 4.800.000 đồng.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra thu được 01 chiếc lốp có chữ DOUBLECOIN, kích cỡ 11000.R20, loại có săm, có đóng mã B88152925 có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng, xác định được là tài sản của anh Phạm Quang H.

Quá trình điều tra, các vật chứng sau khi thu lại được do Bùi Văn N, Nguyễn Thị S, Trần Anh Đ, người bị hại Phạm Quang H đã được Cơ quan điều tra trả lại gồm:

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã G78194523, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng cũ.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã F438M3N26, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng cũ.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 12R – 225: K72058818, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng cũ.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 12R – 225: K72055851, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng cũ.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã K72071428, loại không săm, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng cũ.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã A82046043, loại không săm, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng cũ.

+ 01 chiếc lốp có chữ DOUBLECOIN, kích cỡ 11000.R20, loại có săm, có đóng mã B88152925 có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng.

+ 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Phạm Quang H yêu cầu Phạm Hoàng Th phải bồi thường thiệt hại trong thời gian ô tô không vận hành được là 13.050.000 đồng và số tiền Th còn nợ lại là 7.720.000 đồng, tổng cộng là 20.770.000 đồng.

Các vật chứng do quá trình bị cáo mua bán, trao đổi, cơ quan điều tra đã thu được và trả lại cho anh Bùi Văn N gồm:

+ 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ RADIAL, kích cỡ 12R22.5 loại không có săm, có đóng mã 0202085702, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng cũ giá.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ CHENGSHAN GST 209, kích cỡ 12000.R20 loại có săm, có đóng mã E40032867 đã qua sử dụng cũ.

+ 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ HK720, kích cỡ 12R22.5 loại không săm, có đóng mã số B1601163002, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng.

Đối với 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ WESTLAKE, kích cỡ 12R22.5 loại không săm, có đóng mã số B7T1047337, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng mà bị cáo mua của Đỗ Xuân L hiện đang lưu kho vật chứng.

Chiếc lốp ô tô bị nổ ở địa phận cầu Phù Đồng, Thành phố Hà Nội, bị cáo không nhớ thuê gara ô tô nào tháo, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh.

Bùi Văn N, Nguyễn Hoài N, Nguyễn Thị S, Bùi Văn L, Vương Hùng Ph, Đỗ Xuân L, Đỗ Đình Th, Trần Anh Đ đã mua, chứng kiến, giúp bị cáo trao đổi, tháo lắp lốp xe và lazăng, nhưng không biết và không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Sau khi giao nộp vật chứng cho cơ quan điều tra, những người có QLNVLQ yêu cầu bị cáo bồi thường hoặc hoàn lại số tiền như sau:

+ Nguyễn Hoài N yêu cầu bị cáo hoàn lại số tiền 8.000.000 đồng đã mua 02 lốp và 02 lazăng.

+ Bùi Văn N yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng do đã mua và đổi từ lốp mới của bị cáo sang lốp cũ của anh N.

Cáo trạng số 86/CT – VKS ngày 06/11/2018 của VKSND huyện V H, truy tố Phạm Hoàng Th về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 điều 175 BLHS. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét: Tuyên bố Phạm Hoàng Th phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

* Áp dụng điểm a khoản 1 điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Hoàng Th từ 18 đến 24 tháng tù.

Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Phạm Hoàng Th.

+ Trả lại cho anh Phạm Quang H số tiền 400.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

+ Trả lại bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân số 113570138 mang tên Phạm Hoàng Th do Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 24/11/2017.

+ Trả lại anh Phạm Quang H: 01 quyển sổ nhãn hiệu Hồng Hà, bìa màu vàng, xanh, đỏ, trên mặt bìa sổ có dòng chữ xe 26C – 036.00; 01 quyển sổ nhãn hiệu Hải Tiến, trên mặt bìa sổ có dòng chữ xe 26C – 029.58 đều đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Philips có số thuê bao 01633.598.622 đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ WESTLAKE, kích cỡ 12R22.5 loại không săm, có đóng mã số B7T1047337, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng.

- Buộc bị cáo phải bồi thường hoặc hoàn trả cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

+ Bồi thường cho anh Phạm Quang H số tiền 13.050.000 đồng và trả nợ số tiền 7.720.000 đồng, cộng là 20.770.000 đồng

+ Hoàn lại cho anh Nguyễn Hoài N số tiền 8.000.000 đồng.

+ Hoàn lại cho anh Bùi Văn N số tiền 10.000.000 đồng.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại những tài sản cho người bị hại và người có QLNVLQ.

- Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí dân sự.

* Các tài liệu, chứng cứ tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì của người bị hại, những người có QLNVLQ yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền chiếm đoạt, gây thiệt hại, còn nợ hoặc yêu cầu bị cáo hoàn lại số tiền đã thực hiện giao dịch mua đổi ngay tình tài sản (lốp kèm lazăng) với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phạm Hoàng Th được giao lái xe vận chuyển hàng hóa thuê cho anh Phạm Quang H từ Sơn La về xuôi và ngược lại theo hợp đồng. Trong các ngày từ 30/8/2018 đến 01/9/2018, lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu, Phạm Hoàng Th đã dùng thủ đoạn gian dối, tráo đổi và đem bán 06 chiếc lốp ô tô kèm lazăng cho Nguyễn Hoài N, Bùi Văn N tổng trị giá 27.400.000 đồng thay bằng lốp và lazăng cũ trị giá 4.800.000 đồng, chiếm đoạt tài sản trị giá 22.600.000 đồng mục đích tiêu sài và mua ma túy sử dụng. Hành vi lợi dụng tín nhiệm của chủ sở hữu, dùng thủ đoạn gian dối (tráo đổi những chiếc lốp mới kèm lazăng, lấy lốp và lazăng cũ) chiếm đoạt 22.600.000 đồng của bị cáo đã phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 điều 175 BLHS. HĐXX xét thấy, việc khởi tố, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] *Tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:* Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, bất chấp, nhiều lần xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bà ngoại là người có công với cách mạng, nên được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

[4] *Về phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 điều 175 BLHS bị cáo có thể bị phạt bổ sung (phạt tiền hoặc cấm hành nghề trong thời gian nhất định). Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, bị cáo nghiện ma túy, không có tài sản, đã bị xử phạt tù. Do vậy, không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] *Về bồi thường dân sự:* Bị cáo phạm tội chiếm đoạt tài sản của người khác, phải bồi thường. Xét thấy, việc người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền gây thiệt hại và hoàn trả số tiền còn nợ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã giao dịch trái pháp luật (nhưng không biết bị cáo chiếm đoạt đem bán, tráo đổi nên giao dịch ngay tình) là có căn cứ, cần chấp nhận, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho anh Phạm Quang H số tiền 13.050.000 đồng tiền thiệt hại trong thời gian ô tô không vận hành được và số tiền Th còn nợ là 7.720.000 đồng. Cộng là 20.770.000 đồng.

- Trả lại cho anh Nguyễn Hoài N số tiền 8.000.000 đồng đã mua 02 lốp kèm 02 lazăng.

- Trả lại cho anh Bùi Văn N số tiền 10.000.000 đồng, do đã tráo đổi 04 lốp kèm lazăng lấy 03 lốp và lazăng cũ hơn.

[6] *Vật chứng của vụ án:*

- Các vật chứng gồm: 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã G78194523, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại; 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã F438M3N26, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại; 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 12R – 225: K72058818, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại; 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 12R – 225: K72055851, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại; 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã K72071428, loại không săm, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại; 01 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu DOUBLECOIN 1200R20, trên lốp có đóng số mã A82046043, loại không săm, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đều đã qua sử dụng đã được CQĐT thu lại và trả lại cho người bị hại.

- Các vật chứng gồm: 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ RADIAL, kích cỡ 12R22.5 loại không có săm, có đóng mã 0202085702, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại; 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ CHENGSHAN GST 209, kích cỡ 12000.R20 loại có săm, có đóng mã E40032867; 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ HK720, kích cỡ 12R22.5 loại không săm, có đóng mã số B1601163002, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đều đã qua sử dụng đã được CQĐT thu lại và trả lại cho người có QLNVLQ ông Bùi Văn N.

Xét thấy, việc trả lại cho chủ sở hữu những tài sản trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, có căn cứ, cần chấp nhận.

- 01 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Phạm Hoàng Th là những vật không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

- Số tiền 400.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 113570138 mang tên Phạm Hoàng Th do Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 24/11/2017 là tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, cần tuyên trả lại cho bị cáo.

- 01 quyền sở hữu nhãn hiệu Hồng Hà, bìa màu vàng, xanh, đỏ, trên mặt bìa sổ có dòng chữ xe 26C – 036.00; 01 quyền sở hữu nhãn hiệu Hải Tiến, trên mặt bìa sổ có dòng chữ xe 26C – 029.58 đều đã qua sử dụng, là tài sản của anh Phạm Quang H, cần tuyên trả lại anh Phạm Quang H quản lý, sử dụng.

- 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Philips có số thuê bao 01633.598.622 đã qua sử dụng, là tài sản bị cáo dùng làm công cụ thực hiện tội phạm, cần tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ WESTLAKE, kích cỡ 12R22.5 loại không săm, có đóng mã số B7T1047337, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng mà bị cáo mua của Đỗ Xuân L, không còn giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

- Chiếc lốp ô tô bị nổ ở địa phận cầu Phù Đồng, Thành phố Hà Nội, bị cáo không nhớ thuê gara ô tô nào tháo, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, không giải quyết trong vụ án này.

[7] Đối với Bùi Văn N, Nguyễn Hoài N, Nguyễn Thị S, Bùi Văn L, Vương Hùng Ph, Đỗ Xuân L, Đỗ Đình Th, Trần Anh Đ đã mua, chứng kiến, giúp bị cáo tráo đổi, tháo lắp lốp xe và lazăng, nhưng không biết và không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng Th phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. **Xử phạt: Phạm Hoàng Th 18 (Mười tám) tháng tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2018.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. **Về vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 BLHS, các điểm a, b, c, khoản 2, khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu để tiêu hủy: **01 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Phạm Hoàng Th; 01 chiếc lốp xe ô tô có chữ WESTLAKE, kích cỡ 12R22.5 loại không săm, có đóng mã số B7T1047337, lốp có kèm theo 01 lazăng kim loại đã qua sử dụng.**

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: **Số tiền 400.000 đồng; 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Philips có số thuê bao 01633.598.622 đã qua sử dụng của bị cáo.**

- Trả lại bị cáo: **01 giấy chứng minh nhân dân số 113570138 mang tên Phạm Hoàng Th do Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 24/11/2017.**

- Trả lại anh Phạm Quang H: **01 quyển sổ nhãn hiệu Hồng Hà, bìa màu vàng, xanh, đỏ, trên mặt bìa sổ có dòng chữ xe 26C – 036.00; 01 quyển sổ nhãn hiệu Hải Tiến, trên mặt bìa sổ có dòng chữ xe 26C – 029.58 đều đã qua sử dụng.**

Toàn bộ vật chứng theo Biên bản giao vật chứng số 16 và Biên lai thu tiền số 0000853, ngày 12 tháng 11 năm 2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện V H.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với Bùi Văn N, Nguyễn Hoài N, Nguyễn Thị S, Bùi Văn L, Vương Hùng Ph, Đỗ Xuân L, Đỗ Đình Th, Trần Anh Đ.

3. Về bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 48 BLHS, các điều 584, 585, 586, 589BLDS, buộc bị cáo phải bồi thường và trả lại cho người bị hại và những người có QLNVLQ cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho anh Phạm Quang H số tiền 20.770.000 đồng.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Hoài N số tiền 8.000.000 đồng.

+ Trả lại cho anh Bùi Văn N số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng cộng, bị cáo phải bồi thường và hoàn trả số tiền 38.770.000 đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, 3 điều 21; Điểm a, c khoản 1 điều 23, điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 1.938.500 đồng án phí dân sự. Cộng là 2.138.500 đồng (Hai triệu, một trăm ba tám nghìn, năm trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có QLNVLQ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa

Hội thẩm nhân dân

Mùi Văn Huân

Nguyễn Đăng Quang

Nguyễn Hữu Hưng

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS tỉnh, huyện;
- CA huyện, CQ THAHS;
- Sở TP;
- Trại Giam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp

luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức,

cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)